

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.098.838.120.015	1.933.714.163.459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.259.799.797	21.918.032.395
111	1. Tiền		22.259.799.797	21.918.032.395
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.110.870.414.038	1.012.314.639.678
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.044.887.713.930	981.808.523.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	18.295.379.017	18.251.158.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	82.530.723.959	48.007.819.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(34.843.402.868)	(35.752.861.392)
140	IV. Hàng tồn kho	8	954.966.825.864	885.384.170.267
141	1. Hàng tồn kho		966.022.689.836	890.906.558.017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.055.863.972)	(5.522.387.750)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.741.080.316	14.097.321.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	559.854.561	1.090.909.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.120.941.822	13.006.412.018
153	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	60.283.933	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.132.128.097	200.960.076.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	650.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	650.000.000	650.000.000
220	II. Tài sản cố định		157.326.729.173	164.381.212.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	80.092.795.212	85.707.370.414
222	Nguyên giá		197.544.509.456	200.228.562.385
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(117.451.714.244)	(114.521.191.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	77.233.933.961	78.673.842.077
228	Nguyên giá		98.348.595.445	98.336.207.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.114.661.484)	(19.662.365.068)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		532.355.455	315.000.000
	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	532.355.455	315.000.000
			-	
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	33.544.840.275	33.856.558.900
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.072.355.552	4.384.074.177
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.078.203.194	1.757.305.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.078.203.194	1.757.305.472
			-	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.066.122.271.840	1.917.466.114.237
310	I. Nợ ngắn hạn		2.036.948.517.968	1.888.267.538.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.037.869.533.807	996.223.876.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	20.896.185.302	14.815.414.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.187.173.079	1.924.084.965
314	4. Phải trả người lao động		2.280.754.285	9.109.888.013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.240.274.520	3.596.580.335
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.784.868.388	8.980.244.178
320	8. Vay ngắn hạn	18	957.962.376.429	851.919.198.962
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	677.708.229	1.648.607.002
330	II. Nợ dài hạn		29.173.753.872	29.198.575.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1		
337	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		173.753.872	198.575.812
338	3. Vay dài hạn	18	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		226.847.976.272	217.208.126.085
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	226.847.976.272	217.208.126.085
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	20.1	(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.663.060.478	26.023.210.291
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.791.728.064	11.460.237.841
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.871.332.414	14.562.972.450
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.292.970.248.112	2.134.674.240.322

Tp. HCM. Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Phạm Thị Mai Hương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025		Năm 2024	
			Quý II	Lũy kế	Quý II	Lũy kế
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	797.182.875.917	1.483.961.467.409	965.407.123.932	1.571.365.950.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	8.508.716.410	9.402.346.477	1.757.441.374	2.892.670.972
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	788.674.159.507	1.474.559.120.932	963.649.682.558	1.568.473.280.011
11	4. Giá vốn hàng bán	23	742.962.156.706	1.383.906.294.135	898.572.150.466	1.456.377.288.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.712.002.801	90.652.826.797	65.077.532.092	112.095.991.500
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.553.560.275	22.847.303.677	5.499.465.197	12.482.188.695
22	7. Chi phí tài chính	24	14.219.260.593	25.019.566.339	15.838.196.720	26.034.106.210
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.056.015.275	21.760.908.402	9.022.769.237	19.041.158.850
25	Phân lỗ trong công ty liên kết		(116.414.370)	(311.718.625)	(622.458.363)	(527.206.531)
26	Chi phí bán hàng	25	32.944.914.902	59.549.714.969	28.197.383.474	55.785.382.121
30	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.425.437.412	15.303.806.327	16.979.501.260	28.606.099.634
31	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.559.535.799	13.315.324.214	8.939.457.472	13.625.355.699
32	Thu nhập khác		285.782.611	468.016.617	408.455.365	435.977.468
40	Chi phí khác		50.517.386	292.017.845	258.738.019	408.954.168
50	Lợi nhuận khác		235.265.225	175.998.772	149.717.346	27.023.300
51	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.794.801.024	13.491.322.986	9.089.174.818	13.652.408.999
60	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.000.445.526	2.619.990.572	2.319.451.727	3.457.488.031
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.794.355.498	10.871.332.414	6.769.723.091	10.194.920.968

Tp. HCM, ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người Lập Biểu

Chu Thị Bích Hồng

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
	I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.491.322.986	13.652.408.999
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định	10, 11	7.105.305.188	7.178.838.296
03	Các khoản dự phòng		4.624.017.698	8.106.430.075
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.974.479.288)	1.767.113.857
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(371.522.066)	238.938.556
06	Chi phí lãi vay		21.760.908.402	19.041.158.850
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.635.552.920	49.984.888.633
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(73.643.658.980)	(37.095.085.855)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(75.119.119.430)	(41.009.353.088)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		22.857.605.309	(93.206.586.997)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		210.156.818	1.616.278.175
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.336.839.694)	(19.727.542.103)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.168.405.134)	(2.447.675.655)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(2.202.381.000)	(1.821.799.998)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(104.767.089.191)	(143.706.876.888)
	II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(317.855.455)	(3.446.771.329)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		407.883.838	667.169.022
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-
24	Tiền thu hồi do bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.316.358	15.886.947
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		103.344.741	(2.763.715.360)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.373.745.788.986	1.269.819.027.903
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.267.702.611.519)	(1.156.378.759.195)
36	Cổ tức trả cổ đông	20.3		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		106.043.177.467	113.440.268.708
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		1.379.433.017	(33.030.323.540)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.839.104.211	50.493.258.886
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.262.569	3.279.137.655
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	4	22.259.799.797	20.742.073.001

Tp. HCM. Ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Chu Thị Bích Hồng



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận




Phạm Thị Mai Hương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010. và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 386 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 391)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty [VND/USD] được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định [hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng] trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là [tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản/mua bán chuyển khoản trung bình] của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty. trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

3.18 Các bên liên quan

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Tiền mặt	169.868.591	350.684.388
Tiền gửi ngân hàng	22.089.931.206	21.567.348.007
TỔNG CỘNG	22.259.799.797	21.918.032.395

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải thu từ khách hàng	1,044,887,713,930	981,808,523,031
Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	116,308,289,439	177,271,677,134

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	112,256,201,600	102,299,153,275
Khác	816,323,222,891	702,237,692,622
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(30,672,910,344)	(31,616,948,811)
Giá Trị Thuần	1,014,214,803,586	950,191,574,220

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Tasly Pharmaceutical Group Co.,Ltd	-	5,633,250,000
PRIME PHARMACEUTICALS LTD - INDIA	-	4,425,294,690
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VMED	3,257,163,000	3,257,163,000
INNATEL INC.,	3,269,185,921	
Các khoản trả trước khác	11,769,030,096	4,935,451,269
Tổng cộng	18,295,379,017	18,251,158,959
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(255,881,685)	(278,011,205)

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Số đầu kỳ	(35.752.861.392)	(24.961.572.180)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(2.232.910.586)	(7.259.664.961)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	3.142.369.110	189.658.218
Số cuối kỳ	(34.843.402.868)	(32.031.578.923)

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi phạt trả chậm	1.084.088.667	-	1.372.947.026	0
Phải thu các khoản tạm ứng	2.391.405.760	-	3.730.080.545	0
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	26.805.902.786		29.164.537.400	
Ký quỹ, ký cược	2.400.965.778		2.021.096.333	
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	31.893.533.517		5.301.389.853	
Phải thu ngắn hạn khác	17.954.827.451	(3.914.610.839)	6.417.767.923	(3.857.901.376)
TỔNG CỘNG	82.530.723.959	(3.914.610.839)	48.007.819.080	(3.857.901.376)

Trong đó:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

*Phải thu ngắn hạn
khác bên liên quan
(Thuyết minh số 28)*

Dài hạn

Ký quỹ, ký cược	650.000.000	650.000.000
-----------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025			Ngày 01 tháng 01 năm 2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	48.491.115.392	(30.672.910.344)	17.818.205.048	41.990.003.062	(31.616.948.811)	10.373.054.251
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(14.890.295.901)	5.063.797.055	20.080.940.506	(14.675.102.753)	5.405.837.753
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	3.559.833.894	(1.501.243.197)	2.058.590.697	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	0	4.086.849.776	(4.086.849.776)	0
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	0	2.908.892.308	(2.908.892.308)	0
Trung tâm y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	0	1.046.839.544	(1.046.839.544)	0
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	16.934.606.914	(6.238.789.618)	10.695.817.296	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.914.610.839)	-	3.914.610.839	(3.857.901.376)	56.709.463
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	0	2.610.867.617	(2.610.867.617)	0
Công Ty TNHH MTV XNK Vật liệu Xây Dựng HẢI ĐĂNG KOKO	816.000.000	(816.000.000)	0	816.000.000	(816.000.000)	0
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	0	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	255.881.685	(255.881.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	0
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	255.881.685	(255.881.685)	0	278.011.205	(278.011.205)	0
TỔNG CỘNG	52.661.607.916	(34.843.402.868)	17.818.205.048	46.182.625.106	(35.752.861.392)	10.429.763.714

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	113.934.317.613		35.418.661.309	
Hàng hóa	852.088.372.223	(11.055.863.972)	855.487.896.708	(5.522.387.750)
TỔNG CỘNG	966.022.689.836	(11.055.863.972)	890.906.558.017	(5.522.387.750)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Số đầu kỳ	(5.522.387.750)	(4.396.909.917)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(13.357.634.320)	(7.302.513.785)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	3.791.201.377	6.266.090.453
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	4.032.956.721	334.375.436
Số cuối kỳ	<u>(11.055.863.972)</u>	<u>(5.098.957.813)</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	545.454.561	1.090.909.101
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	14.400.000	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		
Số cuối kỳ	559.854.561	1.090.909.101
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.045.423.251	1.607.639.423
Chi phí sửa chữa VP	779.844.395	149.666.049
Chi phí khác	252.935.548	
Số cuối kỳ	2.078.203.194	1.757.305.472

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định dùng cho quản lý	Khác	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	101.791.619.012	53.875.647.364	40.800.831.453	3.424.768.125	335.696.431	200.228.562.385
Mua sắm mới		100.500.000				100.500.000
Thanh lý		(701.339.100)	(2.323.852.016)			(3.025.191.116)
Tăng giảm khác						
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VNĐ	114.219.806	86.897.367	34.072.211		5.448.803	240.638.187
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	101.905.838.818	53.361.705.631	38.511.051.648	3.424.768.125	341.145.234	197.544.509.456
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	13.102.877.020	17.168.400.518	17.172.821.478	2.480.332.618	341.145.235	50.265.576.869
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	42.952.040.107	40.318.324.749	27.975.639.556	2.939.491.128	335.696.431	114.521.191.971
Khấu hao trong kỳ	2.183.525.100	2.269.788.180	1.136.685.434	75.398.358	-	5.665.397.072
Thanh lý		(651.660.970)	(2.323.852.016)			(2.975.512.986)
Tăng giảm khác						
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VNĐ	114.219.806	86.897.367	34.072.211		5.448.803	240.638.187
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	45.249.785.013	42.023.349.326	26.822.545.185	3.014.889.486	341.145.234	117.451.714.244
Giá trị còn lại						
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	56.656.053.805	11.338.356.305	11.688.506.463	409.878.639	-	80.092.795.212

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	2.785.991.638	95.550.215.507	98.336.207.145
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VNĐ	3.215.500	9.172.800	12.388.300
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	2.789.207.138	95.559.388.307	98.348.595.445
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	164.025.638	1.035.663.136	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.595.658.504	18.066.706.564	19.662.365.068
Khấu hao trong kỳ	170.071.602	1.269.836.514	1.439.908.116
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VNĐ	3.215.500	9.172.800	12.388.300
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.768.945.606	19.345.715.878	21.114.661.484
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.190.333.134	77.483.508.943	78.673.842.077
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.020.261.532	76.213.672.429	77.233.933.961

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	382.355.455	165.000.000
Khác	150.000.000	150.000.000
	532.355.455	315.000.000

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</i>
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (TM số 12.2)	4.072.355.552	4.384.074.177
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	33.544.840.275	33.856.558.900

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

13.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30.00%	4,072,355,552	30.00%	4,384,074,177
TỔNG CỘNG			4,072,355,552		4,384,074,177

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương	Bất động sản	3.68%	22,983,000,000	3.68%	22,983,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Đông Dương	Bất động sản	3.82%	6,017,000,000	3.82%	6,017,000,000
Công ty Cổ Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	0.86%	472,484,723	0.86%	472,484,723
TỔNG CỘNG			29,472,484,723		29,472,484,723
TỔNG CỘNG			33,544,840,275		33,856,558,900

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả cho người bán	1.036.803.898.910	1.036.803.898.910	994.921.054.894	994.921.054.894
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	207.188.402.032	207.188.402.032	228.034.625.325	228.034.625.325
- Phải trả đối tượng khác	829.615.496.878	829.615.496.878	766.886.429.569	766.886.429.569
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.065.634.897	1.065.634.897	1.302.821.535	1.302.821.535
TỔNG CỘNG	1.037.869.533.807	1.037.869.533.807	996.223.876.429	996.223.876.429

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Người mua trả tiền trước		
- Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	689.429.140	2.072.402.180
- Công ty TNHH TM Dược phẩm Trường Tôn	2.051.561.583	3.378.237.903
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	1.872.839.020
- Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	-	3.456.503.079
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhân khoa Sài Gòn	515.150.062	1.090.991.078
Công ty TNHH TM Quốc tế Ngọc Mỹ	3.639.404.000	
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 28)	12.127.801.497	
TỔNG CỘNG	20.896.185.302	14.815.414.612

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU - PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngày 01 tháng 01 năm 2025		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2025	
Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	
		83.005.557.774	(82.615.655.387)	(291.396.145)	98.506.242
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa					
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.386.196	21.308.755.634		(21.374.425.763)	60.283.933
Thuế xuất nhập khẩu	3.137.587	2.165.138.356		(2.168.275.943)	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.548.860.088	2.619.990.572	-	(3.168.405.134)	0
Thuế thu nhập cá nhân	366.701.094	744.043.296		(1.022.523.079)	88.221.311
Tiền thuế đất, thuế nhà đất		0		-	0
Các khoản khác phải nộp khác		42.000.000		(42.000.000)	0
TỔNG CỘNG		109.885.485.632	(82.615.655.387)	(28.067.026.064)	60.283.933
-		1.924.084.965			1.187.173.079

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Chi phí lãi vay	899.939.381	608.478.997
Chi phí phải trả khác	1.340.335.139	2.988.101.338
TỔNG CỘNG	2.240.274.520	3.596.580.335

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải trả cổ tức	64.540.476	123.735.165
Phải trả hàng ủy thác	10.920.714.201	6.578.410.880
Phải trả từ hỗ trợ bán hàng		
Các khoản ký cược ký quỹ	270.356.128	479.001.586
Phải trả khác	2.529.257.583	1.799.096.547
TỔNG CỘNG	13.784.868.388	8.980.244.178

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Số đầu kỳ	1.648.607.002	
Trích lập quỹ trong kỳ	1.231.482.227	5.000.000.000
Tăng, giảm khác		
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.202.381.000)	(3.351.392.998)
Số cuối kỳ	677.708.229	1.648.607.002

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

19. VAY

	Ngày 01 tháng 01 năm 2025		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.1)	851.322.198.962	851.322.198.962	1.373.745.788.986	1.267.702.611.519	957.365.376.429	957.365.376.429
Vay cá nhân (Thuyết minh 19.2)	597.000.000	597.000.000			597.000.000	597.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19.3)						
TỔNG CỘNG	851.919.198.962	851.919.198.962	1.373.745.788.986	1.267.702.611.519	957.962.376.429	957.962.376.429
Dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.3)	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh 19.3)						
TỔNG CỘNG	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng khác

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN HCM	469.456.321.245	Từ ngày 13 tháng 08 năm 2025 đến 29 tháng 12 năm 2025	5,2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 280.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 240.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP MSB HCM	175.916.566.850	Từ ngày 24 tháng 07 năm 2025 đến 29 tháng 09 năm 2025	5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	165.795.486.858	Từ ngày 24 tháng 07 năm 2025 đến 01 tháng 12 năm 2025	5,35	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tài sản bảo đảm bằng 334.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	106.189.548.916	Từ ngày 30 tháng 09 năm 2025 đến 19 tháng 12 năm 2025	5,2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 321,517,430,000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 271,590,250,000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương VN- HN CN CD	40.007.452.560	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5,2	Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9- Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông - Hà Nội với tổng trị giá 62.000.000.000 VNĐ và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VNĐ
Tổng cộng	957.365.376.429			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư ph1t triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024							
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
- Lợi nhuận trong kỳ						10.194.920.968	10.194.920.968
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VNĐ				3.486.097.657			3.486.097.657
- Khác						(1.328.565.409)	(1.328.565.409)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(5.357.742.788)	9.071.115.794	29.430.993.400	215.471.830.339
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2025	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
- Lợi nhuận trong kỳ					-	10.871.332.414	10.871.332.414
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)					-	(1.231.482.227)	(1.231.482.227)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025	182.700.000.000	-	(586.200.000)	0	9.071.115.794	35.663.060.478	226.847.976.272

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
	Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	121.225.000	66,35%	121.225.000	66,35%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000	18,99%	34.700.000	18,99%
Các cổ đông khác	26.775.000	14,66%	26.775.000	14,66%
	182.700.000	100,00%	182.700.000	100,00%

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ tức đã công bố		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024		9.104.400.000
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2025	-	-
Cổ tức đã trả		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024	-	9.021.075.311
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2025		

20.4 Cổ phiếu

	Số lượng (Cổ phiếu)	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800
--------------------	------------	------------

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	2.752	2.501
- EURO (EUR)	947	1.041
- Kip (Lào)	994.153	990.664
- Bath Thái (THB)	59.081	2.501
2. Hàng hóa nhập ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	20.915.527.866	57.370.036.754

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Tổng doanh thu:	1.483.961.467.409	1.571.365.950.983
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	1.453.824.623.474	1.552.067.843.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.136.843.935	19.298.107.360
Các khoản giảm trừ doanh thu	9.402.346.477	2.892.670.972
Giảm giá hàng bán	1.434.878.678	60.988.972
Chiết khấu thương mại	1.169.329.205	977.134.388
Hàng bán trả lại	6.798.138.594	1.854.547.612
Doanh thu thuần	1.474.559.120.932	1.568.473.280.011

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.306.594	15.886.947
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.656.059.844	5.568.831.638
Lãi bán hàng trả chậm	1.150.770.634	2.144.839.115
Doanh thu tài chính khác	10.789.696.524	
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.231.470.081	4.752.630.995
TỔNG CỘNG	22.847.303.677	12.482.188.695

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

23. GIÁ VỐN

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.374.581.616.536	1.455.262.082.769
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	78.782.410
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.324.677.599	1.036.423.332
TỔNG CỘNG	1.383.906.294.135	1.456.377.288.511

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Chi phí lãi vay	21.760.908.402	19.041.158.850
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.258.657.937	6.992.947.360
TỔNG CỘNG	25.019.566.339	26.034.106.210

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	29.825.437.112	31.321.365.631
Chi phí nguyên vật liệu	1.318.768.398	1.355.665.329
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.152.000.438	6.254.074.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.195.797.574	8.931.485.088
Chi phí bán hàng khác	13.057.711.447	7.922.791.901
TỔNG CỘNG	59.549.714.969	55.785.382.121

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên	1.474.195.453	1.503.265.000
Chi phí dụng cụ quản lý	659.363.210	189.107.727
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	895.301.892	866.761.266
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(909.458.524)	7.070.006.743
Thuế, phí và lệ phí	97.230.857	27.875.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.168.621.373	9.994.365.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.918.552.066	8.954.717.937
TỔNG CỘNG	15.303.806.327	28.606.099.634

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.374.581.616.536	1.455.262.082.769
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.978.131.608	1.544.773.056
Chi phí nhân công	31.299.632.565	32.824.630.631
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.047.302.330	7.120.835.438
Chi phí trích lập dự phòng	(909.458.524)	7.070.006.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.364.418.947	18.925.850.879
Chi phí bằng tiền khác	20.073.494.370	16.905.385.008
TỔNG CỘNG	1.449.435.137.832	1.539.653.564.524

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.619.990.572	3.457.488.031
TỔNG CỘNG	2.619.990.572	3.457.488.031

27.2 Thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.491.322.986	13.652.408.999
Các khoản điều chỉnh tăng	758.734.960	3.635.031.156
Lỗ từ Công ty liên kết	311.718.625	527.206.530
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	36.050.000	44.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	410.966.335	287.698.900
Các Khoản lỗ Codupha Lào		2.776.125.726
Các khoản điều chỉnh giảm	1.150.105.086	
Hoàn nhập dự phòng công nợ	1.113.406.730	
Các khoản giảm khác	36.698.356	
Lợi nhuận trước thuế ước tính trong kỳ	13.099.952.860	17.287.440.155
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế 20%	13.099.952.860	17.287.440.155
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.619.990.572	3.457.488.031

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

28. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan liên quan có quan hệ kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần hóa dược phẩm Mekopha	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần hóa dược phẩm Sanofi-Aventis Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ 30/06/2025</i>	<i>Số đầu năm 01/01/2025</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15.1)			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa		6.471.014
TỔNG CỘNG		1.065.634.897	1.302.821.535
Các giao dịch với các bên liên quan khác			

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

		<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024</i>
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 18/04	420.000.000	420.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bà Phạm Thị Mai Hương	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ 18/04/2025	184.090.000	
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ 02/06/2025	55.000.000	-
Bà Đinh Thị Khởi	Miễn nhiệm Phó TGD từ ngày 01/03/2025	110.000.000	327.930.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên độc lập HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên độc lập HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên độc lập HĐQT	30.000.000	30.000.000
Tổng cộng		1.339.090.000	1.317.930.000

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ

		Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Khải			8.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	12.000.000	4.000.000
TỔNG CỘNG		54.000.000	54.000.000

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀN TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2024
Đến 1 năm	3.516.186.667	7.420.800.000
Trên 1 - 5 năm	12.277.300.000	14.331.000.000
Trên 5 năm	-	-
TỔNG CỘNG	15.793.486.667	21.751.800.000

TP.HCM, ngày 21 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận

Phạm Thị Mai Hương

